Ngành công nghiệp xây dựng

Phần

Ngành xây dựng

- Xây dựng là một ngành công nghiệp lớn và đa dạng về tất cả các vấn đề đặc trưng của một ngành sản xuất.
- Ví dụ một số lãnh vực của ngành xây dựng: xây mới và sửa chữa công trình cao tầng, xây dựng, sửa chữa cầu đường, lắp dựng kết cấu thép và các kết cấu bê tông, xây dựng các công trình an ninh quốc phòng, các công tác như cấp thoát nước, thông gió, sản xuất vật liệu và công cụ xây dựng…

Ngành xây dựng

Một số đối tượng tham gia trong ngành

- Các nhà cung cấp vật liệu xây dựng
- Các nhà sản xuất máy móc thiết bị cung cấp các thiết bị nặng như cần trục, máy ủi…
- Các nhà sản xuất bán thành phẩm
- Các đơn vị làm việc trên công trường để thực hiện các công việc xây dựng
- Các đơn vị quản lý dự án, đơn vị khảo sát
- Những người phát triển dự án
- Các đơn vị quản lý công trình
- Các đơn vị cung cấp các hàng hóa và dịch vụ bổ sung như phá hủy công trình, đổ chất thải xây dựng, vệ sinh công trình

Ngành xây dựng

- Sự đa dạng của ngành xây dựng còn phải kể đến sự đa dạng của các công trình xây dựng.
- Ở những dự án lớn và siêu lớn, sự phức tạp còn trong vấn đề huy động vốn, đa dạng các bên liên quan đến dự án.

Đặc điểm ngành xây dựng

Đặc điểm của sản phẩm xây dựng

- Sản phẩm xây dựng cũng là sản phẩm của một quá trình sản xuất. Tuy nhiên khác với các sản phẩm của quá trình sản xuất khác, sản phẩm xây dựng có các đặc điểm đặc trưng rất riêng của nó:
- Sản phẩm xây dựng là cố định và gắn liền với đất đai tại vị trí xây dựng công trình.
- Sản phẩm xây dựng sản xuất theo đơn đặt hàng.
- Sản phẩm xây dựng có tính đơn lẻ và duy nhất.
- Sản phẩm xây dựng được sản xuất ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết khí hậu.
- Khối lượng thực hiện lớn, chi phí đầu tư lớn, thời gian thực hiện lâu dài.
- Mang tính nghệ thuật và thể hiện đặc điểm kiến trúc phù hợp với truyền thống, khí hậu… địa phương.
- Sản phẩm xây dựng tồn tại (tuổi thọ) lâu dài.

Đặc điểm ngành xây dựng

Đặc điểm của quá trình sản xuất xây dựng

- Quá trình xây dựng thiếu tính ổn định hay là luôn di động, biến động theo địa điểm xây dựng. Điều này là do tính chất cố định của sản phẩm xây dựng.
- Quá trình sản xuất xây dựng rất dài tùy thuộc vào kích thước, khối lượng và đặc thù riêng của công trình xây dựng.
- Quá trình sản xuất theo đơn đặt hàng
- Quá trình sản xuất chịu ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu.
- Quá trình sản xuất phức tạp, số bên liên quan nhiều.
- Chịu ảnh hưởng của đặc thù địa phương nơi tiến hành sản xuất.

Ngành xây dựng Việt Nam

- Trong những thập kỷ trước đây, nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế tập trung bao cấp. Sự tham gia vào nền kinh tế của tư nhân và nước ngoài là rất hạn chế.
- Sau khi áp dụng chính sách cải cách và mở cửa, nền kinh tế Việt Nam đã phát triển rất mạnh mẽ và luôn nằm trong nhóm có tốc độ tăng trưởng nhanh của thế giới và khu vực. Ví dụ theo Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) thì trong thập kỷ trước tốc độ tăng GDP bình quân là 7,5%. Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người ở Việt Nam tăng từ 440 đô la vào năm 2002 lên 1034 đô la vào năm 2008.

Ngành xây dựng Việt Nam

Năm	Sản lượng đầu ra (tỷ đồng)	Đóng góp vào GDP (%)	Lượng tiền đầu tư vào ngành (tỷ đồng)
2000	23,642	5.35	3,563
2001	27,931	5.80	9,046
2002	31,558	5.89	10,490
2003	37,100	6.05	11,508
2004	44,558	6.23	11,197
2005	53,276	6.35	13,202
2006	64,503	6.62	16,043
2007	79,712	6.97	20,136
2008	95,696	6.48	N/A

N/A: Không có số liệu

Ngành xây dựng Việt Nam

- Ngành xây dựng là ngành bị phê phán vì sự kém hiệu quả và yếu kém. Dù ngành xây dựng Việt Nam đã có một quá trình lịch sử lâu dài nhưng nó vẫn còn yếu kém so với các nước trong khu vực và thế giới.
- Cũng tương tự như ở các nước đang phát triển khác vấn đề nguồn nhân lực luôn nhận được sự quan tâm nhiều nhất.
- Một đặc điểm của ngành đó là người lao động thì có nhiều về số lượng nhưng chất lượng kém với năng suất lao động thấp.

Ngành xây dựng Việt Nam

Năm	Số lượng lao động	Năng suất
	(ngàn người)	(triệu đồng/người)
2004	1,923	23.2
2005	1,999	26.7
2006	2,137	30.2
2007	2,268	35.1
2008	2,394	40.0

Ngành xây dựng Việt Nam

- Tài chính và công nghệ là những khó khăn của các doanh nghiệp Việt nam.
- Thêm vào đó công tác nghiên cứu-phát triển (RD) hầu như không được quan tâm trong ngành.
- Số lượng các công ty và doanh nghiệp xây dựng rất nhiều. Mặc dù số lượng lớn nhưng thị trường chủ yếu bị điều khiển bởi nhóm công ty vừa và lớn.

Ngành xây dựng Việt Nam

Năm	Rất nhỏ	Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn
	< 1 tỷ VNDs	1 - 10 tỷ VNDs	10 - 50 tỷ VNDs	50 - 500 tỷ VNDs	> 500 tỷ VNDs
2000	1,343	1,735	637	274	10
2001	2,019	2,602	713	343	16
2002	2,503	3,997	854	471	20
2003	2,831	5,898	1,019	540	29
Giai đoạn 2004 – 2008 không có số liệu chi tiết; Việc phân nhóm theo quy mô vốn hoạt động					

Ngành xây dựng Việt Nam

- Cùng với sự toàn cầu hóa, ngành công nghiệp xây dựng Việt nam chắc chắn sẽ gặp những thử thách mới đặc biệt đó là sự cạnh tranh của khu vực quốc tế.
- Những đòi hỏi về chất lượng nghiêm ngặt, sự phát triển công nghệ nhanh chóng, các rủi ro của toàn cầu hóa là một số những thách thức rõ ràng nhất.
- Các công ty và doanh nghiệp xây dựng Việt Nam cần phải cải thiện năng lực và nâng cao khả năng cạnh tranh của mình